

Số: /2024/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 9 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 về cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

*Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 về cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2024. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ thông tin - VP UBND tỉnh;
- Các CV UBND tỉnh: Thư, Đơn;
- Lưu: VT, KTN, Cao Cường (6b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Châu**

## **QUY ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 về cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

### **1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:**

“1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ (gồm đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với đường, cầu, hầm bến phà, cầu phao, đường bộ; công trình phục vụ công tác quản lý, vận hành, khai thác đường bộ; công trình thuộc hệ thống quản lý giao thông thông minh; nhà hạt quản lý đường bộ; kho chứa trang thiết bị, vật tư dự phòng trong lĩnh vực đường bộ; công trình kiểm soát tải trọng xe; trạm thu phí và các công trình khác của đường bộ; phần đất hành lang an toàn đường bộ đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng) thuộc hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương (bao gồm đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã và các loại đường khác).

2. Những nội dung không được điều chỉnh tại Quy định này, được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.”

### **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:**

“1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương.”

### **3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 3 như sau:

“1. Bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì hoạt động bình thường, an toàn của kết cấu hạ tầng đường bộ theo quy định của thiết kế trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng, bao gồm: Bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ; sửa chữa kết cấu hạ tầng đường bộ; kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, đánh giá an toàn kết cấu hạ tầng đường bộ.

4. Đường tỉnh là đường nằm trong địa bàn một tỉnh nổi trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện;

6. Đường xã là đường nối trung tâm hành chính của xã với thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi là thôn) và điểm dân cư nông thôn hoặc đường nối với xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã;

7. Đường đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị, bao gồm: đường cao tốc đô thị, đường phố, đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị;

8. Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ giao thông cho một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân và đường nội bộ.”

**b) Bổ sung khoản 9 vào Điều 3 như sau:**

“9. Đường thôn là đường trong khu vực thôn, đường trục nối thôn với khu vực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh khác trên địa bàn thôn.”

**4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:**

“1. Sở Giao thông vận tải: Quản lý, vận hành khai thác và bảo trì hệ thống đường tỉnh (trừ các đoạn tuyến đường tỉnh UBND tỉnh giao UBND cấp huyện quản lý) và các tuyến đường khác Ủy ban nhân dân tỉnh giao (gồm đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với đường, cầu, hầm bến phà, cầu phao, đường bộ; công trình phục vụ công tác quản lý, vận hành, khai thác đường bộ; công trình thuộc hệ thống quản lý giao thông thông minh; nhà hạt quản lý đường bộ; kho chứa trang thiết bị, vật tư dự phòng trong lĩnh vực đường bộ; công trình kiểm soát tải trọng xe; trạm thu phí và các công trình khác của đường bộ; phần đất hành lang an toàn đường bộ đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng)) (sau đây gọi chung là đường tỉnh).

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quản lý, vận hành khai thác, bảo trì mạng lưới đường huyện, đường đô thị (gồm đường, cầu, hầm, bến phà, cầu phao đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với đường, cầu, hầm bến phà, cầu phao, đường bộ; công trình phục vụ công tác quản lý, vận hành, khai thác đường bộ; công trình thuộc hệ thống quản lý giao thông thông minh; nhà hạt quản lý đường bộ; kho chứa trang thiết bị, vật tư dự phòng trong lĩnh vực đường bộ; công trình kiểm soát tải trọng xe; trạm thu phí và các công trình khác của đường bộ; phần đất hành lang an toàn đường bộ đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng) và các tuyến đường khác Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý (gồm cả các đoạn tuyến đường tỉnh được giao quản lý). (sau đây gọi chung là đường huyện).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã: Quản lý, vận hành khai thác, bảo trì mạng lưới đường xã, đường thôn trên địa bàn.”

**5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5 như sau:**

**“Điều 5. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ đang khai thác chưa có quy trình bảo trì”**

**a) Sửa đổi, bổ sung các khoản 1 và khoản 2 của Điều 5 như sau:**

“1. Sở Giao thông vận tải: Tổ chức lập, phê duyệt quy trình bảo trì đường bộ đối với đường tỉnh (trừ các đoạn tuyến đường tỉnh UBND tỉnh giao UBND cấp huyện quản lý) và các tuyến đường khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, phê duyệt đối với mạng lưới đường huyện, đường đô thị, đường xã và các tuyến đường khác Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý (gồm cả các đoạn tuyến đường tỉnh được giao quản lý).”

**b) Bổ sung các khoản 4 và khoản 5 vào Điều 5 như sau:**

“4. Đối với các đường khác không thuộc đường quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này Chủ sở hữu công trình tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì.

5. Nội dung quy trình bảo trì thực hiện theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Thông tư 41/2021/TT-BGTVT.”

**6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:**

**a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 8 như sau:**

“1. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường địa phương hàng năm sử dụng vốn ngân sách nhà nước

a) Hàng năm, căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường, công trình đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, công việc và danh mục tuyến đoạn đường ưu tiên (Công việc được ưu tiên gồm: bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ, vận hành các công trình bên phà đường bộ, hầm có sử dụng thiết bị vận hành; khối lượng của dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm sau; sự cố công trình; sửa chữa, bổ sung các công trình đảm bảo an toàn giao thông, xử lý điểm đen tai nạn giao thông; kiểm định, sửa chữa cầu yếu, cầu hẹp; sửa chữa các tuyến đường hư hỏng mất an toàn giao thông; sửa chữa định kỳ nền, mặt đường của các tuyến đã khai thác quá thời hạn quy định để khôi phục các chỉ tiêu kỹ thuật (mức độ rạn nứt, chỉ số độ gồ ghề, chỉ số nhám) theo tiêu chuẩn thiết kế; xây dựng tiêu chuẩn và định mức về quản lý, bảo trì, kiểm định đánh giá khả năng chịu lực của các công trình cầu có biểu hiện xuống cấp không bảo đảm an toàn cho khai thác, sử dụng và các công việc cần thiết khác. Tuyến đường ưu tiên: đường có lưu lượng vận tải lớn đóng vai trò trục chính liên kết các vùng có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh của cả nước và các vùng kinh tế trọng điểm). Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 6 danh mục kế hoạch quản lý bảo trì hệ thống đường địa phương năm sau.

Về kinh phí: đối với quản lý, bảo dưỡng thường xuyên căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (trường hợp chưa có định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ tiếp theo thì căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân kỳ trước); đối với sửa chữa định kỳ căn cứ hiện trạng các công trình, quy trình bảo trì (nếu có), sửa chữa đột xuất căn cứ hiện trạng công trình chưa đến kỳ sửa chữa nhưng đã hư hỏng mất an

toàn công trình và các công việc khác thực hiện theo quy định hiện hành (Có biểu mẫu tại Phụ lục kèm theo).

b) Trước ngày 10 tháng 7 hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận Danh mục kế hoạch quản lý bảo trì hệ thống đường địa phương năm sau.

c) Căn cứ vào Danh mục kế hoạch quản lý bảo trì hệ thống đường địa phương năm sau được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt: đối với dự toán dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên hoàn thành trước ngày 01 tháng 10 hàng năm; đối với dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình (đối với sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất), dự toán các công việc khác theo quy định hiện hành, hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án sửa chữa công trình, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện được điều chỉnh phạm vi (chiều dài, lý trình đoạn đường sửa chữa), giải pháp kỹ thuật, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông nhưng không được vượt quá kinh phí được cấp của năm báo cáo và danh mục kế hoạch quản lý bảo trì được chấp thuận.

d) Điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hệ thống đường địa phương hàng năm sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Trường hợp cần bổ sung công trình sửa chữa ngoài Danh mục kế hoạch quản lý bảo trì đã phê duyệt, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương, danh mục bổ sung thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Sau khi UBND tỉnh giao dự toán chi năm kế hoạch, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chỉnh Danh mục kế hoạch quản lý, bảo trì cho phù hợp với dự toán chi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.”

**b) Bổ sung khoản 3 vào Điều 8 như sau:**

“3. Việc lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.”

**7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 9 như sau:**

“1. Căn cứ dự toán chi ngân sách hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Danh mục kế hoạch quản lý, bảo trì hàng năm được chấp thuận; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng, quy trình bảo trì công trình (nếu có) và các quy định pháp luật hiện hành, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện.”

**7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 của Điều 10 như sau:**

“1. Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức giám sát, nghiệm thu công tác bảo dưỡng, thi công sửa chữa công trình, lập, quản lý và lưu giữ hồ sơ sửa chữa công trình theo quy định của pháp luật về quản lý công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

3. Đối với các công trình còn trong giai đoạn bảo hành, việc quản lý và sửa chữa đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 27, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT.”

**8. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 của Điều 12 như sau:**

“d) Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT”

**9. Sửa đổi, bổ sung điểm khoản 1 và khoản 2 của Điều 13 như sau:**

**a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, h khoản 1 của Điều 13 như sau:**

“b) Hàng năm, xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận; tổng hợp kinh phí gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự toán chi ngân sách hàng năm; tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh được giao quản lý theo đúng quy định.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; duy trì tình trạng kỹ thuật cầu đường, bảo đảm giao thông thông suốt; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

h) Hàng năm rà soát đánh giá, phân loại chất lượng đường bộ được giao quản lý, tổng hợp kết quả phân loại đường địa phương và tình hình quản lý, bảo trì mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định.”

**b) Bổ sung điểm c vào khoản 2 của Điều 13 như sau:**

“c) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương đảm bảo thời gian quy định.”

**10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 14 như sau:**

“3. Xây dựng dự toán chi quản lý, bảo trì hàng năm đoạn tuyến đường huyện theo phân cấp gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.”

**11. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm, phụ lục của Quy định này như sau:**

a) Bãi bỏ khoản 2 của Điều 2, khoản 3 của Điều 5, Điều 7, khoản 4 của Điều 9, Điều 11, điểm f khoản 1 của Điều 13.

b) Bãi bỏ Phụ lục Công tác sửa chữa, bảo trì đường bộ kèm theo Quy định này.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 về cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

**1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:**

“Quy định này quy định một số nội dung về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương (sau đây gọi tắt là cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đường bộ, đường thủy nội địa) để thi hành Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày

10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP); Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu; Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá.”

## **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:**

**“Điều 4. Hình thức lựa chọn nhà thầu, thời gian cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa**

1. Hình thức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành Luật đấu thầu.

2. Đối với công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa: Việc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện như việc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn việc lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán mua sắm.

Dự toán cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa được lập trong thời kỳ 03 năm (phù hợp với thời 03 năm ổn định ngân sách) cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa. Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa thực hiện lựa chọn nhà thầu thực hiện trong 36 tháng (03 năm) để đảm bảo tính thường xuyên, liên tục và thuận lợi trong công tác quản lý.

Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa hoàn thành xong trước ngày 31 ngày 12 năm báo cáo.

3. Đối với công tác sửa chữa định kỳ, đột xuất: Việc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện như việc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn việc lựa chọn nhà thầu thuộc dự án;

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu sửa chữa định kỳ và đột xuất đường bộ, đường thủy nội địa.

4. Đối với công tác tư vấn phục vụ bảo trì công trình xây dựng gồm: Lập, thẩm tra (trường hợp chưa có quy trình bảo trì) hoặc điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng; kiểm định chất lượng công trình phục vụ công tác bảo trì



(nếu có); quan trắc công trình phục vụ công tác bảo trì (nếu có); kiểm tra công trình đột xuất theo yêu cầu (nếu có); đánh giá định kỳ về an toàn của công trình trong quá trình vận hành và sử dụng (nếu có); khảo sát phục vụ thiết kế sửa chữa; lập, thẩm tra thiết kế sửa chữa và dự toán chi phí bảo trì công trình; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất để lựa chọn nhà thầu; giám sát thi công sửa chữa công trình xây dựng, giám sát sửa chữa phần thiết bị công trình; thực hiện các công việc tư vấn khác thực hiện theo quy định Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành;

5. Đối với công tác cần thiết khác để thực hiện quá trình bảo trì công trình xây dựng như: kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán; bảo hiểm công trình; phí thẩm định và các chi phí liên quan khác thực hiện theo quy định Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành;

6. Về phân chia gói thầu:

Căn cứ tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự án, dự toán mua sắm và quy mô gói thầu hợp lý. Việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy được chia thành các nhóm gói thầu:

a) Các gói thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ; đường thủy.

b) Các gói thầu sửa chữa định kỳ, đột xuất.

c) Các gói thầu tư vấn phục vụ bảo trì.”

**3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 7 như sau:**

“2. Tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện bao gồm:

a) Yêu cầu kỹ thuật chất lượng đối với hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện được quy định tại Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12/05/2023 của Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT).

b) Quy định về giám sát, nghiệm thu, phương pháp đánh giá, khấu trừ kinh phí hoạt động bảo dưỡng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện được quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT”

**4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:**

**a) Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm c khoản 1 của Điều 8 như sau:**

“b) Kết cấu phương án giá trong quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa: Theo Thông tư số 38/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2022/TT-BGTVT ngày 03/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường thủy nội địa thực hiện theo

phương thức đặt hàng sử dụng ngân sách trung ương từ nguồn kinh phí thường xuyên.

c) Chi phí quản lý dự án theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng; chi phí lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu theo Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ; chi phí khảo sát được lập dự toán theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng; chi phí lập hồ sơ phương án giá lấy theo chi phí lập dự toán quy định tại Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng; các chi phí khác (nếu có) theo quy định của Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải và các quy định hiện hành.”

**b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 8 như sau:**

“2. Phương pháp xác định giá:

a) Các định ngạch, định mức áp dụng:

- Công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ áp dụng định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải; Định mức công tác sửa chữa công trình giao thông trong đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 1149/QĐ-BXD ngày 09/11/2017 của Bộ Xây dựng; Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCVN 14182:2024 và các quy định của UBND tỉnh.

- Công tác bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BGTVT ngày 22/6/2023 của Bộ Giao thông vận tải và các quy định của UBND tỉnh.

- Công tác sửa chữa không thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa áp dụng Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng về định mức xây dựng.

- Trường hợp các công việc đặc thù không có trong hệ thống định mức hiện hành, Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý bảo trì (Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện) vận dụng các định mức, tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự hoặc đề nghị Sở Xây dựng xây dựng định mức, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

b) Chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công:

- Chi phí vật liệu theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Giá vật liệu theo Công bố giá hàng tháng của Liên Sở Tài chính - Xây dựng. Trường hợp không có trong Công bố giá hàng tháng của Liên Sở Tài chính - Xây dựng thì Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý bảo trì thực hiện xác định giá theo quy định.

- Chi phí nhân công theo quy định của UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện. Trong khi UBND tỉnh chưa ban hành hướng dẫn thực hiện Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động thương binh và xã hội cho dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giao thông, áp dụng Giá nhân công theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng và quy định của UBND tỉnh về đơn giá nhân công trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

- Chi phí máy thi công theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng; hao phí ca máy cho các phương tiện chuyên dùng trong công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa theo Thông tư số 12/2019/TT-BGTVT ngày 11/3/2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 18/2023/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.

c) Về khối lượng:

- Công tác bảo dưỡng thường xuyên:

+ Khối lượng bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn và định mức kỹ thuật quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa và khả năng cân đối nguồn vốn hàng năm.

+ Trường hợp đấu thầu, giá dịch vụ sự nghiệp công được lập theo giai đoạn 03 năm trên cơ sở tính toán chi tiết khối lượng 01 năm đầu và dự kiến các năm tiếp theo phù hợp với định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương theo giai đoạn hoặc tạm tính tăng so với năm trước là 5%/năm. Khi có kế hoạch vốn được giao năm tiếp theo trong giai đoạn, nhà thầu trúng thầu lập dự toán chi tiết của năm đó theo chế độ chính sách, giá nguyên nhiên vật liệu tại thời điểm được giao kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 9 quy định này phê duyệt, làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng và thực hiện công tác bảo trì của năm đó.

+ Giá trên là toàn bộ các công việc cần thiết phải thực hiện trong thời gian hợp đồng, cho toàn bộ công tác quản lý, sửa chữa bảo trì gồm: Toàn bộ các tuyến đường và các công trình trên tuyến được giao quản lý để đảm bảo tiêu chí đánh giá về chất lượng trong hồ sơ mời thầu. Trường hợp phát sinh khối lượng công việc đặc thù, phải báo cáo UBND tỉnh xem xét, chấp thuận.

+ Về bảo dưỡng thường xuyên đường bộ: Ưu tiên công tác sửa chữa có vật liệu nhằm đảm bảo an toàn giao thông: Sửa chữa nền, mặt đường, thoát nước, hệ thống báo hiệu, khơi nước, đào rãnh thoát nước mặt đường; xử lý điểm đen, điểm tiền ẩn mất an toàn giao thông; kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các hư hỏng nền mặt đường và công trình trên đường. Hệ thống báo hiệu phải được rà soát, từng bước sửa đổi, thay thế, bổ sung theo quy định (hiện nay là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT, màng phản quang

theo tiêu chuẩn về màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ TCVN 7887:2018). Chi phí cho công tác quản lý, bảo dưỡng không có vật liệu (gồm: Tuàn đường, đếm xe, kiểm tra cầu đường và các công trình trên đường, cập nhật số liệu cầu đường, trực lũ bão, quản lý hành lang; nắn chỉnh, vệ sinh, lau chùi hệ thống báo hiệu; bạt lè, cắt cỏ, phát quang, vét rãnh, thông cống; vệ sinh mặt đường, mặt cầu, khe co giãn, gói cầu, mố trụ cầu, ống thoát nước; bắt xiết bu lông,...) theo thực tế từng tuyến đường và yêu cầu kỹ thuật, nhưng không vượt quá định mức quy định.

- Công tác sửa chữa không thường xuyên: Theo hồ sơ khảo sát, thiết kế được duyệt và duyệt bổ sung nếu có.

#### **5. Bổ sung Điều 8a như sau:**

#### **“Điều 8a. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì đường thủy nội địa địa phương hàng năm**

1. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch bảo trì hệ thống đường thủy nội địa địa phương hàng năm sử dụng vốn NSNN

a) Hàng năm, căn cứ vào tình trạng đường thủy nội địa địa phương, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về các tuyến đường thủy nội địa, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật. Sở Giao thông vận tải lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 6 danh mục kế hoạch quản lý bảo trì đường thủy nội địa địa phương năm sau.

Về kinh phí: đối với quản lý, bảo dưỡng thường xuyên căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương trong Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (trường hợp chưa có định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ tiếp theo thì căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân kỳ trước); đối với sửa chữa định kỳ căn cứ hiện trạng các công trình, quy trình bảo trì (nếu có), sửa chữa đột xuất căn cứ hiện trạng công trình chưa đến kỳ sửa chữa nhưng đã hư hỏng mất an toàn công trình và các công việc khác thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Trước ngày 10 tháng 7 hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận Danh mục kế hoạch quản lý bảo trì hệ thống đường thủy nội địa địa phương năm sau.

c) Căn cứ vào Danh mục kế hoạch quản lý bảo trì hệ thống đường thủy nội địa địa phương năm sau được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, Sở Giao thông vận tải tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt: đối với dự toán dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên hoàn thành trước ngày 01 tháng 10 hàng năm; đối với dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật sửa chữa công trình (đối với sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất), dự toán các công việc khác theo quy định hiện hành, hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án sửa chữa công trình, Sở Giao thông vận tải được điều chỉnh phạm vi, giải pháp kỹ thuật, bổ sung các hạng mục an toàn giao thông nhưng không được vượt quá kinh phí được cấp của năm báo cáo và danh mục kế hoạch quản lý bảo trì được chấp thuận.

d) Điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch bảo trì đường thủy nội địa địa phương hàng năm sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Trường hợp cần bổ sung công trình sửa chữa ngoài Danh mục kế hoạch quản lý bảo trì đã phê duyệt, Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương, danh mục bổ sung thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Sau khi UBND tỉnh giao dự toán chi năm kế hoạch, Sở Giao thông vận tải quyết định điều chỉnh Danh mục kế hoạch quản lý, bảo trì cho phù hợp với dự toán chi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Việc lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì đường thủy nội địa địa phương không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.”

**6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:**

**“Điều 9. Thẩm định, phê duyệt dự toán, thiết kế dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì đường thủy nội địa địa phương**

Trên cơ sở công việc, danh mục kế hoạch quản lý bảo trì đường thủy nội địa địa phương năm sau được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận: Sở Giao thông vận tải tổ chức lập thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự toán dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với công trình sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất) và dự toán các công việc khác.”

**7. Bãi bỏ Điều 3 và Điều 5 của Quy định này.**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Ngọc Châu**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO TRÌ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ĐỊA**  
**PHƯƠNG NĂM .....**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Đơn vị thực hiện:.....**

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng chủ yếu	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Quy mô sửa chữa, bảo trì	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<b>TỔNG SỐ</b>								
	<b>Bảo trì định kỳ hàng năm (Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên)</b>								
	<b>Sửa chữa định kỳ</b>								
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>								
	<i>Công trình làm mới</i>								
	<b>Sửa chữa đột xuất</b>								
	<b>Công tác khác</b>								
	<b>CHI TIẾT</b>								
<b>A</b>	<b>Bảo trì định kỳ hàng năm (Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên)</b>								
	BĐTX cầu, đường bộ								
	...								
<b>B</b>	<b>Sửa chữa định kỳ</b>								
<b>1</b>	<b>Tên đường.....</b>								
<i>a</i>	<i>Công trình chuyển tiếp</i>								
	.....								
<i>b</i>	<i>Các Công trình làm mới</i>								
	.....								
<b>C</b>	<b>Sửa chữa đột xuất</b>								
	.....								
<b>D</b>	<b>Công tác khác</b>								
	.....								